TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5- AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **154**/2026/DS - ST
Ngày: 26/3/2026
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ* "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồmcó:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Danh Riêng;**

Bà **Nguyễn Hồng Cúc.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thái Trang**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 5- An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2026/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2026, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2026/QĐXX- ST, ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh An Giang.

(Bà N có mặt)

** Bị đơn:* Bà **Đặng Thị N1**, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh An Giang.

(Bà N1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2026 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:* Bà và bà N1 là chổ quen biết nhau và bà có tham gia chơi hụi mùa do bà N1 làm chủ vào năm 2021 và đã mãn hụi cụ thể như sau:

Dây hụi mùa: Hụi áp tháng 4 năm 2021 âm lịch (hụi mãn tháng 4 năm 2025 âm lịch), hụi 5.000.000đ/tháng, 03 tháng xổ hụi 01 lần (tuỳ vào vụ lúa có dao động đến 3,5 tháng xổ lần), có 12 hụi viên và tôi tham gia 02 chưng hụi, hình thức bỏ hụi ai bỏ hụi cao thì người đó hốt, tiền huê hồng là 1.800.000đ đến khi mãn bà vẫn

còn hụi sống hốt nhưng bà N1 chưa giao tiền cho bà. Đến tháng 5 năm 2025 âm lịch thì bà N1 tuyên bố bể hụi, bà có gặp bà N1 tính tiền hụi thì hai bên chốt với nhau là bà N1 nợ bà số tiền hụi 02 chân là 116.400.000đ đã trừ tiền huê hồng xong. Sau đó bà N1 có trả cho bà được 16.400.000đ còn nợ lại là 100.000.000đ bà N1 hứa tới tháng 9 năm 2025 âm lịch sẽ hoàn trả cho bà đủ số 100.000.000đ này và bà N1 có viết biên nhận nợ cho bà giữ, tuy nhiên tới hẹn nhưng bà N1 không thực hiện mà thách thức bà đi kiện nữa.

Bà xác nhận đối với số tiền nợ hụi này là nợ cá nhân của bà N1 nên bà chỉ yêu cầu một mình bà N1 thanh toán cho bà và không yêu cầu chồng bà N1 là ông Lê Văn D, sinh năm 1974 phải liên đới cùng bà N1 thanh toán cho bà vì ông D không có tham gia chơi hụi của bà và bà cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu Toà án buộc Toà án buộc bà Đặng Thị N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thanh toán một lần.

** Bị đơn bà Đặng Thị N1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà như sau:* Bà xác nhận vào năm 2021 bà có làm chủ dây hụi mùa áp ngày nào thì bà không nhớ rõ nhưng đến tháng 4 năm 2021 âm lịch và hiện tại dây hụi đã mãn vào tháng 4 năm 2025 âm lịch, dây hụi này có bà N tham gia chơi hụi của bà cụ thể như sau:

Hụi áp tháng 4 năm 2021 âm lịch (hụi mãn tháng 4 năm 2025 âm lịch), hụi 5.000.000đ/tháng, 03 tháng xổ hụi 01 lần (tuỳ vào vụ lúa có dao động đến 3,5 tháng xổ lần), có 12 hụi viên và bà N tham gia 02 chưng hụi, hình thức bỏ hụi ai bỏ hụi cao thì người đó hốt, tiền huê hồng là 1.800.000đ, bà N là người hốt chót sau cùng. Tuy nhiên sau khi mãn hụi bà gặp khó khăn là hụi viên khác không đóng tiền hụi chết cho bà nên bà không có tiền để giao hụi 02 chưng hụi cho bà N.

Sau đó hai bên có ngồi chốt hụi với nhau là bà còn nợ bà N 02 chưng hụi là 116.400.000đ và bà có trả trước số tiền hụi là 16.400.000đ còn nợ lại 100.000.000đ bà hẹn đến tháng 9 năm 2025 âm lịch sẽ thanh toán đủ cho bà N và bà có tự viết biên nhận nợ cho bà N giữ đề ngày 07/6/2025 âm lịch.

Tuy nhiên, đến tháng 9 năm 2025 âm lịch do hụi viên vẫn không đóng tiền hụi chết lại hết cho bà mà bỏ đị phương đi nên không gom hụi chết giao trả cho bà N như đã hứa, bà có gặp bà N hứa thêm kéo dài thời gian đến khi làm lúa xong sẽ trả nhưng khi làm lúa xong bị lỗ nên không có tiền trả cho bà N.

Bà xác nhận đối với số tiền hụi này là nợ cá nhân của bà, bà tự chịu trách nhiệm thanh toán cho bà N, chồng bà là ông Lê Văn D, sinh năm 1974 không có liên quan và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên toà, bà Đặng Thị N1 thừa nhận hiện nay còn nợ bà N số tiền hụi còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và đồng ý thanh toán nhưng hiện nay hoàng cảnh khó khăn nên xin trả dần 03 tháng trả 01 lần với số tiền là 3.000.000đ cho đến khi dứt nợ, nếu bà N không chịu thì đề nghị Toà án xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N1 trả cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn bà N1 có nơi cư trú tại ấp N, xã T, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25/6/2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà N và bà N1 là tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ được quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà N yêu cầu buộc bà N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hụi còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, bà N có cung cấp cho Tòa án biên nhận tiền đề ngày 07/6/2025 thể hiện bà N1 còn nợ bà N số tiền hụi là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà bà N1 đều thừa nhận và đồng ý thanh toán nhưng chưa có tiền để thanh toán một lần cho bà N nên bà N1 xin trả dần 03 tháng trả 01 lần với số tiền là 3.000.000đ cho đến khi dứt nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà N khởi kiện yêu cầu buộc bà N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền nợ hụi còn lại là là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc bị đơn xin trả dần cho nguyên đơn số tiền nợ hụi nêu trên 03 tháng trả 01 lần với số tiền là 3.000.000đ cho đến khi dứt nợ là không phù hợp, nhằm trốn tránh, kéo dài thời gian, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của

nguyên đơn và nguyên đơn cũng không đồng ý cho bị đơn kéo dài thêm thời gian trả nợ nên yêu cầu của bị đơn không có cơ sở chấp nhận là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trường hợp bà N1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà N1 phải chịu án phí: 100.000.000đ x 5 % = 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án ngày 25/6/2025;

- Điều 357, 468 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 12, 14, 15 và 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đối với bị đơn bà Đặng Thị N1.

1. Buộc bà N1 có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền nợ hụi còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), bà N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà N1 phải chịu án phí với số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Nguyên đơn bà N không phải chịu án phí; Hoàn trả lại cho bà N số tiền 2.500.000 đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 301408 ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (26/3/2026).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh An Giang;*
- *VKSNDKV 5 – An Giang;*
- *THADS tỉnh An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Toà

(đã ký)

Lữ Cẩm Nhung